

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025

Số: **13629** /BTC-DNTN

V/v trả lời các đề xuất liên quan đến các
khó khăn, vướng mắc do quy định pháp
luật trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Kính gửi:

Tại Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo, Tổng bí thư đã yêu cầu Đảng ủy các Bộ, cơ quan ngang Bộ: (i) Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ, không bỏ sót những khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách; (ii) Trả lời, công khai ý kiến chính thức về các nội dung kiến nghị, phản ánh để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các nhân có kiến nghị, phản ánh được biết, Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 08-TB/BCĐTW nêu trên, Bộ Tài chính xin phản hồi các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực doanh nghiệp và kinh tế tập thể để Quý Cơ quan, Doanh nghiệp biết và triển khai thực hiện tại Phụ lục gửi kèm theo Công văn này.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, góp ý của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, DNTN (Hương) (2.b). *HT*

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
TƯ NHÂN VÀ KINH TẾ TẬP THỂ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Mạnh Khởi

Phụ lục

TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ĐỀ THẢO GỒM VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN TRONG LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Công văn số. **13629**./BTC-DNTN ngày **03/9/2025** của Bộ Tài chính)

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
1	Điều i khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp; Điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 168/2025/NĐ-CP về Đăng ký doanh nghiệp; Điểm b khoản 2 Điều 66	Việc thành lập/ chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện không nhất thiết phải do Hội đồng thành viên quyết định. Theo đó, Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm và dự án đầu tư phát triển của công ty, việc thành lập các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân chỉ là một công đoạn triển khai thực tế cho chiến lược, kế hoạch đã được chấp thuận. Trong khi đó, Giám đốc/ Tổng Giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phưong án đầu tư của công ty. Như vậy, thẩm quyền của Giám đốc/ Tổng Giám đốc trong việc thành lập đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân là phù hợp đưa ra quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. Trong khi đó, việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện không yêu cầu đầu tư vốn như công ty con nên không ảnh hưởng đến các yếu tố về tài chính, nợ, không phải vấn đề mang tính quan trọng cần phải được Hội đồng thành viên phải hợp và thông nhất. Ngược lại, việc tổ chức hợp Hội đồng thành viên, đặc biệt là đối với công ty có vốn đầu tư nước ngoài, rất tốn kém chi phí, thời gian và nhân lực. Để tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên, cần phải chuẩn bị trước vài tháng trong khi vấn đề cần thảo luận không được xem là quan trọng, chỉ mang tính chất	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Khoản 1 Điều 55 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức. - Điểm i khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Hội đồng thành viên có quyền quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện. - Điều 63 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. - Theo quy định tại Điều 44 Luật Doanh nghiệp thì Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền; Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. Căn cứ các quy định nêu trên thì chi nhánh văn phòng đại diện là các đơn vị bộ phận của doanh nghiệp. Do vậy, việc quy định c

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	triển khai thực tế các phương án, kế hoạch kinh doanh đã được chính Hội đồng thành viên chấp thuận trước đó. Do đó, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên, cũng như yêu cầu câu bản sao quyết định của Hội đồng thành viên sẽ làm phát sinh thủ tục là không cần thiết, chưa phù hợp với tinh thần cải cách thủ tục hành chính. Kiến nghị sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp theo nội dung đề xuất dưới đây: i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện Kiến nghị bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 2 Điều 66, nhằm loại trừ yêu cầu nộp bản sao quyết định của Hội đồng thành viên trong hồ sơ đăng ký hoạt động và hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện. Thay vào đó, cho phép người đứng đầu điều hành doanh nghiệp tự quyết định các nội dung này.		quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của doanh nghiệp quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là hợp lý. Quy định này giúp Hội đồng thành viên kiểm soát quyền hạn của Giám đốc/Tổng giám đốc, tránh tình trạng Giám đốc/Tổng giám đốc lạm dụng gây thiệt hại cho doanh nghiệp, thành viên góp vốn. Ngoài ra, các nội dung quy định về thẩm quyền của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc/Giám đốc tại Luật Doanh nghiệp đã phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Xin gửi Quý Hiệp hội để nghiên cứu, thực hiện./.
Điều 32 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Điều 38 Luật Luật sư ngày 29/6/2006 (Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp)	Theo Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khi thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được công khai và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Điều 38 Luật Luật sư quy định: Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương nơi đăng ký hoạt động	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về việc áp dụng Luật Doanh nghiệp và luật khác như sau: "Áp dụng Luật Doanh nghiệp và luật khác trong trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó". Căn cứ quy định nêu trên, việc đăng báo của các tổ chức hành nghề luật sư sẽ thực hiện theo quy

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		hoặc báo chuyên ngành luật trong ba số liên tiếp về những nội dung chính theo quy định tại Điều này. Các quy định này không thông nhất và không tạo điều kiện thuận lợi cho việc công khai, tra cứu thông tin tập trung ở một đầu mối		định của Luật Luật sư. Như vậy, không có sự không thống nhất giữa Luật Doanh nghiệp và Luật Luật sư. - Về việc công khai, tra cứu thông tin tập trung ở một đầu mối (theo quy định của Luật Luật sư) và thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp. Do vậy, đề nghị Quý Sở tham khảo ý kiến ý kiến của Bộ Tư pháp để đưa hướng dẫn cụ thể về nội dung nêu trên./.
3	Điều 32 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Điều 38 Luật Luật sư ngày 29/6/2006 (Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp)	- Có quy định cho phép góp vốn bằng tài sản trí tuệ, công nghệ để hình thành doanh nghiệp nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể dẫn đến nhà nghiên cứu, nhà khoa học không thể mang tài sản đó góp vốn vào công ty, không thể hình thành doanh nghiệp khoa học khởi nguồn trên cơ sở sản phẩm nghiên cứu khoa học. - Chưa trao quyền quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học cho các nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên thuộc viện trường dẫn tới họ gặp khó khăn trong việc góp vốn bằng loại tài sản này để thành lập doanh nghiệp spin-off.	Trường Đại học Luật Hà Nội	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp quy định: "Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.". Đồng thu Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp đã quy định cụ thể về việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn và định giá tài sản góp vốn. - Điều 8, Điều 9 Nghị định số 88/2025/NF-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã quy định cụ thể về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN và thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
			nghệ của tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị. Căn cứ các quy định nêu trên có thể thấy pháp luật đã quy định cụ thể về việc góp vốn bằng tài sản trí tuệ và công nghệ. Xin gửi Quý Trường đề nghiên cứu, tham khảo trong quá trình thực hiện./.
Điều b khoản 1 Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa,	Tại điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy định điều kiện để hộ kinh doanh được hỗ trợ sau khi chuyển đổi thành doanh nghiệp là phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên. Tuy nhiên, quy định này không phù hợp với thực tế hoạt động ngắn hạn, linh hoạt, mang tính thời vụ của nhiều hộ kinh doanh cá thể hiện nay. Việc yêu cầu hoạt động liên tục khiến nhiều hộ kinh doanh không đủ điều kiện tiếp cận chính sách sau chuyển đổi, làm giảm động lực nâng cấp lên doanh nghiệp. Kiến nghị điều chỉnh theo hướng linh hoạt hơn, như quy định thời gian hoạt động thực tế tích lũy bảo đảm phù hợp với điều kiện địa phương và khuyến khích chuyển đổi.	Sở Tư pháp Thừa Thiên - Huế	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Tại Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, thời hạn hoàn thành là năm 2026. Nội dung này không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định pháp luật khác. Bộ Tài chính xin tiếp thu đề nghiên cứu, xem xét sự phù hợp với thực tiễn trong quá trình sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành. Xin gửi Quý Sở đề nghiên cứu, tham khảo./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mẫu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
5	Biểu mẫu số 2, số 3, số 4, số 5 Phụ lục I Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025.	Thông tư số 68/2025/TT-BTC ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải kê khai nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp bao gồm: (i) vốn ngân sách nhà nước; (ii) vốn tư nhân; (iii) vốn nước ngoài; (iv) vốn khác. Thực tế, việc xác định nguồn gốc vốn (đặc biệt trong công ty cổ phần, vốn góp nhiều thành phần) gây khó khăn trong thủ tục hành chính khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp. Có nhiều cách hiểu khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ ở các Sở KH&ĐT thường yêu cầu giải trình hoặc điều chỉnh thông tin khi hồ sơ có sự "không thống nhất" hoặc kê khai thiếu rõ ràng, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Các loại nguồn vốn điều lệ nêu tại Thông tư số 68/2025/TT-BTC đã được quy định các VBQPPL chuyên ngành (Luật NSNN, Luật Đầu tư,...). - Điều 4 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định rõ nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Như vậy, khi đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp để kê khai. Cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận thông tin do doanh nghiệp kê khai mà không phải xác minh nguồn vốn. Do vậy, không có khó khăn, vướng mắc đối với nội dung này. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./
6	Điều 67 và Điều 86 Luật Doanh nghiệp	Theo điểm d Khoản 23 Điều 4, Chủ tịch, Giám đốc/Tổng giám đốc, Kiểm soát viên là "người có liên quan" của công ty TNHH MTV.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	Khoản 2 Điều 67 quy định: “... Thành viên Hội đồng thành viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết”. Khoản 3 Điều 86 Luật Doanh nghiệp, quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV): “... người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết”. Nếu quy định như Khoản 2 Điều 67 và Khoản 3 Điều 86 Luật Doanh nghiệp trên đây có nghĩa là những người sau sẽ không có quyền biểu quyết:- Người có liên quan đến công ty;- Người có liên quan đến bên ký hợp đồng/giao dịch với công ty. Như vậy, cụm từ “các bên” dẫn đến việc hiểu rằng bất kỳ ai có liên quan đến bất kỳ bên nào trong giao dịch đều bị loại trừ quyền biểu quyết, trong khi trên thực tế, các thành viên quản lý luôn có lợi ích chính đáng gắn liền với công ty mình đang quản lý. Ngoài ra, quy định như trên chưa phản ánh đúng tinh thần của pháp luật và thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp – đó là ngăn chặn hành vi tự phê duyệt giao dịch khi có xung đột lợi ích cá nhân. Việc hiểu quá rộng như khi áp dụng định nghĩa “người có liên quan” tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp gây khó khăn cho doanh nghiệp khi xác định người không có quyền biểu quyết. Do đó, cần làm rõ rằng chỉ những cá nhân có lợi ích liên quan đến đối tác giao dịch của công ty mới bị hạn chế quyền biểu quyết, từ đó đảm bảo sự cân bằng giữa phòng ngừa xung đột lợi ích và hiệu quả vận hành của công ty.		- Khái niệm “người có liên quan” quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp khác với “thành viên có liên quan” quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Doanh nghiệp. Các đối tượng cụ thể đã được quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật này. - Điều 86 Luật Doanh nghiệp quy định về “Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan”. Do vậy, cụm từ “các bên” tại khoản 3 Điều này là bên liên quan đến giao dịch, hợp đồng của công ty hoặc là bên liên quan của các bên trong giao dịch hợp đồng và được quy tại khoản 1 Điều 86 Luật này. Như vậy, Luật Doanh nghiệp đã quy định những cá nhân có lợi ích liên quan đến đối tác giao dịch của công ty bị hạn chế quyền biểu quyết. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
7	Điểm b khoản 7 Điều 98 Luật Doanh nghiệp năm 2020	Theo quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 98, Luật doanh nghiệp 2020 thì việc biểu quyết của Thành viên HDTV tại cuộc họp HDTV bao gồm: Biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng. Tuy nhiên Luật doanh nghiệp 2020 không quy định trường hợp nào thì áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng, trường hợp nào thì không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng? dẫn tới việc khó hiểu, lúng túng trong áp dụng pháp luật.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Doanh nghiệp đã quy định chung cho mọi loại hình doanh nghiệp. Các trường hợp quy định cụ thể về áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng hoặc không áp dụng để nghị doanh nghiệp tự quy định rõ trong Điều lệ công ty hoặc quy chế biểu quyết của cuộc họp HDTV nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn tổ chức quản trị của từng doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghiên cứu, thực hiện./
8	Điểm d, khoản 7, Điều 98 Luật Doanh nghiệp 2020	Về hình thức Biên bản họp tại điểm d, khoản 7, Điều 98: đã yêu cầu tất cả các thành viên dự họp cùng ký trong khi vẫn quy định Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác, tính trung thực của Biên bản họp HDTV là không phù hợp. Ngoài ra, quy định tất cả các thành viên dự họp cùng ký có thể gây khó khăn, tăng thêm thủ tục hành chính trong quá trình triển khai thực hiện.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Doanh nghiệp quy định chung đối với các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu. Việc quy định trách nhiệm liên đới về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp HDTV là cần thiết để đảm bảo trách nhiệm của Chủ tọa, thư ký cuộc họp và thành viên HDTV đối với nội dung của Biên bản cuộc họp, đảm bảo biên bản cuộc họp phản ánh chính xác diễn biến cuộc họp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghiên cứu, thực hiện.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Điểm b khoản 1 Điều 160 và điểm b khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020	Điểm b khoản 1 Điều 160 và điểm b khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm Kiểm soát viên nếu người đó “có đơn từ chức và được chấp thuận”. Tuy nhiên Luật không quy định rõ ai/cấp nào có thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên? Nếu đơn không được chấp thuận thì người đó vẫn phải tiếp tục làm việc và Đại hội đồng cổ đông cũng không thể miễn nhiệm được.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Doanh nghiệp đã quy định chung cho mọi loại hình doanh nghiệp nên việc quy định cụ thể đề nghị doanh nghiệp tự quy định rõ trong Điều lệ công ty, nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn tổ chức quản trị của từng doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.
Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Tại điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: "Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Có đơn từ chức và được chấp thuận" Trường hợp này chủ thể nhận đơn là HĐQT, nguyên tắc HĐQT là làm việc tập thể, vậy khi nhận đơn, các thành viên HĐQT sẽ lấy ý kiến để chấp thuận/không chấp thuận đơn? Trường hợp HĐQT biểu quyết không chấp thuận đơn thì như thế nào? Trong trường hợp trong thời gian chờ đến kỳ họp ĐHCĐ gần nhất/triệu tập ĐHCĐ bất thường để miễn nhiệm mà Thành viên HĐQT rút lại đơn thì HĐQT có được quyền chấp thuận không? Tại Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp không có nội dung sửa đổi, bổ sung cho nội dung nêu trên	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Doanh nghiệp đã quy định chung cho mọi loại hình doanh nghiệp nên việc quy định cụ thể đề nghị doanh nghiệp tự quy định rõ trong Điều lệ công ty nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn tổ chức quản trị của từng doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
11	Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Tại điểm d khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: "Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty" Luật Doanh nghiệp hiện hành chưa có định nghĩa về gián tiếp sở hữu, do đó, thành viên độc lập HĐQT có thể thông qua người liên quan (vợ/chồng/con...) để sở hữu hơn 1% tổng số cổ phần biểu quyết. Điều này dẫn tới việc không độc lập về lợi ích giữa thành viên đó và doanh nghiệp. Tại Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp không có nội dung sửa đổi, bổ sung cho nội dung nêu trên.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Hiện nay, đã có một số quy định về sở hữu gián tiếp (ví dụ: khoản 33 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP...). Như vậy, việc áp dụng quy định về sở hữu gián tiếp quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo các trường hợp quy định pháp luật có nội dung quy định về sở hữu gián tiếp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.
12	Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 về định nghĩa và phạm vi của "Người có liên quan" với doanh nghiệp.	Theo định nghĩa tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 thì chỉ có tính một chiều, áp dụng với những cá nhân, tổ chức có quan hệ "với doanh nghiệp". Với định nghĩa này, chỉ có thể xác định được Người có liên quan của doanh nghiệp, không xác định được chiều ngược lại. Tham khảo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 thì "Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây...". Định nghĩa của Luật Chứng khoán được hiểu có tính hai chiều, áp dụng với cả nhân, tổ chức "có quan hệ với nhau". Do đó, cách quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn áp dụng, đặc biệt là khi xét đến mối quan hệ giữa các bên khi phê duyệt hợp đồng, giao dịch với	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Khái niệm "người có liên quan" quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp khác với "thành viên có liên quan" quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Doanh nghiệp. Các đối tượng cụ thể đã được quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật này. - Điều 86 Luật Doanh nghiệp quy định về "Hợp đồng, giao dịch của công ty với nhân người có liên quan". Do vậy, cụm từ "các bên" tại khoản 3 Điều này là bên liên quan đến giao dịch, hợp đồng của công ty hoặc bên liên quan của các bên trong giao dịch hợp đồng và được quy tại khoản 1 Điều 86 Luật này. Như vậy, Luật Doanh nghiệp đã quy định những cá nhân có lợi ích liên quan đến đối

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mẫu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	người có liên quan theo quy định tại Điều 86 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.		tác giao dịch của công ty bị hạn chế quyền biểu quyết. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.
Khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 về ủy quyền cho Chi nhánh	Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định: “Chi nhánh có chức năng đại diện theo ủy quyền” là chưa thống nhất với Bộ luật Dân sự. Cụ thể, khoản 1 Điều 138 BLDS 2015 quy định về đại diện theo ủy quyền như sau: “1. Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”. Chi nhánh không phải là pháp nhân độc lập nên không có chức năng đại diện theo ủy quyền của pháp nhân doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Dân sự. Theo khoản 5 Điều 84 của BLDS 2015: “người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của pháp nhân trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền”. Như vậy, chủ thể được đại diện theo ủy quyền được xác định là cá nhân là người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện. Như vậy, dẫn đến 2 cách hiểu:(i) Theo BLDS: Doanh nghiệp phải ủy quyền cho cá nhân người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.(ii) Theo Luật Doanh nghiệp: Doanh nghiệp có thể ủy quyền cho chi nhánh, văn phòng đại diện như là một chức năng nhiệm vụ đương nhiên của chi nhánh/ văn phòng đại diện. Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp quy định chưa rõ ràng về địa vị pháp lý của Người đứng đầu chi nhánh, về mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của chi	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Chức năng nhiệm vụ, địa vị pháp lý của người đứng đầu chi nhánh, mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của chi nhánh là vấn đề nội bộ của công ty và thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và có thể do công ty quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động. - Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Dân sự quy định về việc đại diện theo ủy quyền trong xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định việc chi nhánh đại diện cho doanh nghiệp để thực hiện một hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, nội hàm quy định của 02 nội dung nêu trên là khác nhau. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
14	Điều 86 Luật Doanh nghiệp 2020 về Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan	Đối với trường hợp công ty TNHH Một thành viên thực hiện giao dịch với người có liên quan được điều chỉnh bởi Khoản 3 Điều 86 Luật DN có nội dung như sau: “người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết”. Hiện nay, chưa có quy định rõ ràng về cách hiểu thế nào được coi là “người có liên quan đến các bên”. Điều này dẫn đến một số khó khăn, vướng mắc trong việc diễn giải, áp dụng pháp luật. Nếu áp dụng theo định nghĩa “người có liên quan” được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp thì việc loại trừ quyền biểu quyết này có thể hiểu theo nghĩa quá rộng, ví dụ: (i) Trường hợp 1: Nếu “người có liên quan đến các bên” được xác định là người có liên quan của cả hai bên, mà thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên đương nhiên sẽ là người có liên quan của công ty TNHH MTV đang có giao dịch cần phê chuẩn, theo điểm d Khoản 23 Điều 4 LDN; (ii) Trường hợp 2: Nếu xác định “người có liên quan của các bên” được coi là “người có liên quan đến bên còn lại trong hợp đồng, giao dịch” thì trong trường hợp công ty TNHH MTV có giao dịch với công ty mẹ, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con sẽ vẫn không có quyền phê chuẩn, vì những người này sẽ được coi là người	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Điều 86 Luật Doanh nghiệp quy định về “Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan”. Do vậy, cụm từ “các bên” tại khoản 3 Điều này là bên liên quan đến giao dịch, hợp đồng của công ty hoặc bên liên quan của các bên trong giao dịch hợp đồng và được quy tại khoản 1 Điều 86 Luật này. Như vậy, Luật Doanh nghiệp đã quy định rõ những cá nhân có lợi ích liên quan đến đối tác giao dịch của công ty bị hạn chế quyền biểu quyết. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	có liên quan của công ty mẹ, theo điểm b khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, chỉ còn Kiểm soát viên có quyền phê chuẩn. Đây là một tình huống rất không lý tưởng khi đặt nặng trách nhiệm vào Kiểm soát viên, trong khi Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc thì lại không có quyền phê chuẩn mặc dù không có lợi ích cá nhân trong giao dịch, hợp đồng. Với những phân tích nêu trên, có thể thấy rằng đang tồn tại một số vướng mắc, bất cập trong việc phê chuẩn giao dịch với người có liên quan của công ty TNHH MTV do nội dung các điều khoản của Luật Doanh nghiệp chưa hoàn toàn rõ ràng.		
Điểm a khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 về quyền của cổ đông phổ thông	Nội dung của điểm này quy định một trong những quyền của cổ đông phổ thông là: “Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty” Hiện nay, chưa có quy định nào giải thích thế nào là “bí mật thương mại”, trong khi đó Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định về “bí mật kinh doanh” theo pháp luật chuyên ngành. Do đó, chưa rõ nội hàm khái niệm “bí mật kinh doanh” tại Luật Doanh nghiệp có đồng nhất với định nghĩa tại Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, với cụm từ “bí mật thương mại”, hoặc cụm từ “bí mật kinh doanh” cũng gây khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế để hài hòa	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Luật Doanh nghiệp chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về việc tổ chức, quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, việc quy định cụ thể về nội dung "bí mật thương mại", "bí mật kinh doanh" sẽ không bao quát được hết các trường hợp trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, tùy theo từng doanh nghiệp mà cần quy định nội dung cụ thể về các bí mật thương mại, bí mật kinh doanh trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		Lợi ích của cổ đông với việc bảo mật các thông tin cần thiết của Công ty.		
16	Khoản 1 Điều 133 Luật Doanh nghiệp về việc mua lại cổ phần theo quyết định của công ty	Khoản 1 Điều 133 quy định về mua lại cổ phần theo quyết định của công ty như sau: “Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;” Quy định nói trên có thể dẫn tới cách hiểu khác nhau về thời hạn “12 tháng”: (i) Cách hiểu thứ nhất: trong vòng 12 tháng tính từ thời điểm bán, HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán; hoặc (ii) Cách hiểu thứ hai: HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán, số cổ phần này được bán trong thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm quyết định mua lại cổ phần.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, cụm từ “trong thời hạn 12 tháng” gắn với cụm từ “đã bán”. Do vậy, quy định này của Luật Doanh nghiệp đã rõ ràng và không cần hướng dẫn thêm. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phân ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020 về Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Theo Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp: “Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.” Quy định nêu trên có các vấn đề vướng mắc như sau: (i) Giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy nghị quyết ĐHĐCĐ: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Bộ luật Tố tụng Dân sự việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông pháp luật về doanh nghiệp được xác định là việc dân sự (Công nhận hoặc không công nhận với hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ). Như vậy, có khả năng Tòa án không có cơ chế để giải quyết hậu quả pháp lý đối với các tranh chấp từ các giao dịch, hợp đồng, thậm chí các quyết định nội bộ được căn cứ trên các Nghị quyết? Chủ thể chịu trách nhiệm do việc hủy nghị quyết ĐHĐCĐ khi các nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua giao dịch này bị hủy? (ii) Trường hợp bị hủy một phần Nghị quyết ĐHĐCĐ: Luật Doanh nghiệp không quy định cụ thể trong trường hợp chỉ có một số nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ bị hủy bỏ hiệu lực của các nội dung này thì các nội dung khác trong nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua hợp pháp thì vẫn có hiệu lực thi hành hay không?	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Luật Doanh nghiệp chỉ quy định những nội dung thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp. Việc giải quyết hậu quả pháp lý đối với các tranh chấp từ các giao dịch, hợp đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. - Việc hủy toàn bộ hay một phần nghị quyết ĐHĐCĐ thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
18	Điểm d, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 về tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Điểm d, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp quy định về điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bao gồm: “đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;”. Tuy nhiên, Luật không quy định rõ nội dung “gián tiếp sở hữu” gây khó khăn để áp dụng trên thực tế, dễ xác định tiêu chuẩn của ứng viên thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Hiện nay, đã có một số quy định về sở hữu gián tiếp (ví dụ: khoản 33 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP...). Như vậy, việc áp dụng quy định về sở hữu gián tiếp quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo các trường hợp pháp luật có quy định về sở hữu gián tiếp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Điều 148 (Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua) và Điều 167 (Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan) - Luật Doanh nghiệp 2020	Luật Doanh nghiệp chưa quy định rõ tỷ lệ thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. Theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 thì hợp đồng, giao dịch với người có liên quan được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Quy định dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về nội dung: “trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác” thể hiện như thế nào? Điều lệ công ty có phải quy định cụ thể về tỷ lệ thông qua đối với hợp đồng, giao dịch với người có liên quan hay không. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp không có quy định/liệt kê về các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan mà chỉ liệt kê các vấn đề quan trọng cần phải có tỷ lệ thông qua từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong khi đó khoản 4 Điều 148 chỉ quy định về tỷ lệ thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Do vậy, sẽ dẫn đến các quan điểm áp dụng khác nhau:- Quan điểm 1: Trừ trường hợp Điều lệ có ghi rõ về tỷ lệ thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan, nếu nội dung này được thực hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ thì tỷ lệ thông qua theo khoản 1 Điều 148 (tức từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu Điều lệ không quy định tỷ lệ khác) còn nếu được thông qua với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về một số nội dung sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. - Theo quy định tại khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. Căn cứ quy định này, việc thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan đã được quy định rõ tại Luật Doanh nghiệp. Theo đó, trong trường hợp Điều lệ công ty đã quy định một tỷ lệ cụ thể phù hợp với Luật Doanh nghiệp thì thực hiện theo Điều lệ để phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì thực hiện theo khoản 1, khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp nêu trên. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		theo tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 DHDCTD (tức từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành). - Quan điểm 2: Trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định cụ thể tỷ lệ thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thì theo quy định của Điều lệ. Do khoản 4 Điều 167 có nội dung “trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác” nên có thể hiểu nếu Điều lệ của doanh nghiệp không quy định việc thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phải theo tỷ lệ tại khoản 1 Điều 148 (tức trong trường hợp này Điều lệ doanh nghiệp được coi là đã có quy định khác) thì đương nhiên nội dung này được thông qua theo tỷ lệ từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Đối với những hợp đồng, giao dịch với người có liên quan và đồng thời là vấn đề thuộc khoản 1 Điều 148 (ví dụ việc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty với người có liên quan) thì mới phải thông qua với tỷ lệ là 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.		

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	Tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp không có quy định/giải thích rõ ràng về lợi ích liên quan và “có lợi ích liên quan đến các bên” nên dẫn đến khó khăn khi áp dụng. Đồng thời, Luật Doanh nghiệp cũng chưa quy định rõ trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều là người có liên quan đến hợp đồng, giao dịch hoặc chỉ có một thành viên được quyền biểu quyết hoặc số lượng người biểu quyết là số chẵn và có ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì giải quyết như thế nào?	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp quy định: thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. - Người có lợi ích liên quan đến giao dịch đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều này. Do vậy, đã xác định rõ “có lợi ích liên quan đến các bên” tại Luật Doanh nghiệp. Việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp: Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị cứu, thực hiện./.
Điều a, b. Khoản 2 Điều 164 Luật DN số 59/2020	2. “Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người liên quan khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình bao gồm: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh Doanh của Doanh nghiệp mà những	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là những người nắm quyền điều hành, ra quyết định tại công ty cổ phần. Do vậy, việc họ phải công khai thông tin về doanh nghiệp mà họ đang làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần là cần thiết để bảo vệ lợi ích của cổ đông nhỏ.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ”. Hiện tại quy định tại điểm a, không giới hạn về tỷ lệ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần của người kê khai, do đó việc phải thực hiện kê khai toàn bộ tỷ lệ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần dù giá trị rất nhỏ.		Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.
22	Khoản 2, Điều 47, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020	“Điều 47. Góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp 2. Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại”. Việc góp vốn điều lệ trong 90 ngày theo quy định trên là chưa phù hợp với các doanh nghiệp thành lập để thực hiện dự án đầu tư. Để xuất quy định việc góp vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, tránh lãng phí vốn khi chưa sử dụng, mất kiểm soát vốn.	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Việc góp vốn đầu tư thực hiện dự án và góp vốn điều lệ của doanh nghiệp là hai khái niệm khác nhau. Nhà đầu tư có thể góp vốn đầu tư theo tiến độ đầu tư của dự án theo quy định của Luật Đầu tư. Việc góp vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp là số vốn đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty. Do vậy, việc góp vốn đầu tư và góp vốn điều lệ không có vướng mắc như phản ánh. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chống chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Điểm d Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 như sau: “d) Bổ sung khoản 35 vào sau khoản 34 như sau: “35. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”.	Việc định nghĩa chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó nhưng không bao hàm chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp là tổ chức hoặc một doanh nghiệp khác có tư cách pháp nhân Bên cạnh đó, đối với Công ty TNHH một thành viên và do doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn) nắm giữ 100% vốn điều lệ như Công ty Xăng dầu Đồng Nai thì chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp được xác định như thế nào? Nếu xác định theo điểm b Khoản 1 Điều 17 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp có phù hợp không?	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp đã quy định “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân”. Do vậy, không có chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp là tổ chức hoặc một doanh nghiệp khác có tư cách pháp nhân. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 đã bổ sung khoản 35 Điều 4 quy định: “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp”. - Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP thì: Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp là “Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
24	Điểm b Khoản 1 Điều 17 của ND 168/2025/ND-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp “b) Cá nhân có quyền chỉ phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty	Nếu theo nội dung của điểm b Khoản 1 Điều 17 của Nghị định 168/2025/ND-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp thì tất cả thành viên HĐQT Tập đoàn là chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp của Công ty Xăng dầu Đồng Nai, sẽ phải kê khai, thông báo danh sách chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo Điều 18 của Nghị định 168/2025/ND-CP	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đổi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 17 Nghị định 168/2025/ND-CP thì: Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp là “Cá nhân có quyền chỉ phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.” Khoản 2 Điều 18 Nghị định 168/2025/ND-CP quy định “doanh nghiệp tự xác định cơ cấu chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đ

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
			ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có)". Doanh nghiệp căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 17 để xác định quyền chi phối. Nếu áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 nêu trên mà không xác định được quyền chi phối thì không phải kê khai. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện
Khoản 2 Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp: "2. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có)"	Việc yêu cầu doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp và kê khai, thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh rất không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng vì theo biểu mẫu số 10 của Thông tư 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính phải kê khai tất cả các thông tin về ngày tháng năm sinh, số CCCD, địa chỉ liên lạc	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Hiện nay Biểu mẫu số 10 Thông tư 68/2025/TT-BTC quy định nếu doanh nghiệp kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai thông tin về quốc tịch và dân tộc. Bên cạnh đó, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nên việc doanh nghiệp kê khai số định danh cá nhân, họ và tên, ngày sinh thì hệ thống có hỗ trợ đầy các trường thông tin doanh nghiệp đã kê khai trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngoài ra, nếu thông tin về CSHHL trùng với thông tin về chủ sở hữu/thành viên/cổ đông doanh nghiệp, hệ thống tự động điền thông tin, doanh nghiệp chỉ sửa hoặc kê khai những trường thông tin còn thiếu. Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
26	Khoản 35 Điều 1 Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025) quy định: “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cả nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.” - Điều 17, Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp: “Điều 17. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp 1. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh	Theo quy định, Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân luôn là cá nhân. Theo đó, dù doanh nghiệp được sở hữu qua nhiều lớp tổ chức, người hưởng lợi cuối cùng được xác định phải là một cá nhân cụ thể theo các tiêu chí quy định tại Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP. Việc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi không áp dụng đối với trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại CTCP, CT TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Điểm quy định không rõ ràng/gây khó khăn trong việc áp dụng: Quy định về chủ sở hữu hưởng lợi chưa có hướng dẫn và quy định cụ thể đối với trường hợp sau (trường hợp này theo quy định bắt buộc phải kê khai chủ sở hữu hưởng lợi theo Điều 18 Nghị định 168): + Công ty TNHH 1 Thành viên có chủ sở hữu là một tổ chức (gọi là tổ chức A), + Tổ chức A có thành viên góp vốn là Tổ chức B, và Tổ chức B là Công ty Nhà nước do Nhà nước đầu tư góp vốn thành lập. Theo đó, Định nghĩa Chủ sở hữu hưởng lợi ràng buộc là một cá nhân theo các tiêu chí sở hữu hoặc kiểm soát mang tính chất cá nhân. Đối với trường hợp chủ sở hữu Công ty là tổ chức thì việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi sẽ không dừng lại ở tổ chức đó, mà cần phải truy vết sâu hơn để tìm ra cá nhân cuối cùng có quyền sở hữu hoặc kiểm soát. Tuy nhiên, nếu chủ sở hữu cuối cùng chỉ	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Tại Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP có quy định tiêu chí xác định CSHHL của doanh nghiệp; tại Điều 18 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP đã quy định việc kê khai thông tin về CSHHL của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thông tin về CSHHL được quy định tại khoản 1, 2 Điều 18 và kê khai thông tin để xác định CSHHL theo quy định tại khoản 3 Điều 18. - Trường hợp công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là tổ chức, công ty chỉ kê khai thông tin về CSHHL của doanh nghiệp nếu công ty xác định được cá nhân có quy chi phối theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17. Doanh nghiệp tự xác định CSHHL theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 kê khai với cơ quan đăng ký kinh doanh (nếu có). - Doanh nghiệp chỉ thực hiện kê khai thông tin về CSHHL của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 18 và kê khai thông tin để xác định CSHHL theo quy định tại khoản 3 Điều 18. Doanh nghiệp không phải thực hiện việc xác định và kê khai thông tin về CSHHL ngoài phạm vi của khoản 1, 2 Điều 18. Trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí theo quy định của pháp luật về phạm vi kê khai thì doanh nghiệp không phải kê khai với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
ngành) là cá nhân đáp ứng một trong các tiêu chí sau: a) Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp; b) Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty. 2. Cá nhân sở hữu gián tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp thông qua tổ chức khác." "Điều 18. Kế khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp 1. Người thành lập doanh nghiệp, doanh	dẫn đến một tổ chức mà chủ sở hữu của tổ chức đó là Nhà nước và không có cá nhân nào khác đáp ứng các tiêu chí tại Điều 17, thì theo quy định bên không có cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi để kê khai. Như vậy, đối với trường hợp phát sinh nêu trên việc xác định và kê khai chủ sở hữu hưởng lợi đang gặp khó khăn khi Nhà nước là chủ sở hữu gián tiếp cuối cùng.		Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mẫu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp như sau: a) Cả nhân là cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; b) Cả nhân là thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; c) Cả nhân là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. 2. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có). 3. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin cổ đông là tổ chức sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. Thông tin của cổ đông là tổ chức bao gồm: Tên tổ chức, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp,			

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
địa chỉ trụ sở chính, tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết."			
Điểm đ, khoản 2, Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã:	Việc quy định hỗ trợ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại HTX là chủ trương đúng, tuy nhiên còn một số vướng mắc trong quá trình thực hiện. Cụ thể, quy định hiện chưa làm rõ cách xác định thời điểm bắt đầu làm việc để được hưởng hỗ trợ, gây lúng túng cho địa phương trong xét đối tượng. Đặc biệt là đối với những trường hợp đã làm việc tại HTX từ trước thời điểm Nghị định có hiệu lực thì có được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ hay không. Việc quy định chung chung để dẫn đến cách hiểu, cách áp dụng khác nhau giữa các địa phương, thiếu căn cứ pháp lý trong kiểm tra, giám sát. Đồng thời, đề nghị bổ sung các quy định về điều kiện cụ thể về thời gian cam kết làm việc tối thiểu tại các HTX, cơ chế bồi hoàn kinh phí hỗ trợ trong trường hợp người lao động nghỉ việc sớm, không làm đủ thời gian cam kết.	Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Về thời điểm áp dụng chính sách hỗ trợ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại HTX Khoản 5 Điều 115 Luật HTX năm 2023 quy định chuyển tiếp: Chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ban hành theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời gian áp dụng chính sách hoặc có văn bản thay thế, bãi bỏ. Do đó thời điểm áp dụng chính sách theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP được quy định như sau: + Từ thời điểm Nghị định số 113/2024/NĐ-CP có hiệu lực (01/11/2024) đến 31/12/2025: Có thể áp dụng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 (có hiệu lực đến 31/12/2025) hoặc Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. + Sau ngày 31/12/2025: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. - Về thẩm quyền quy định chi tiết chính

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
28	Điều d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020	Điều d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp: ...d) Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản;”. Tuy nhiên, qua thực tiễn thực hiện thời hạn 6 tháng	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	sách Điều d và đ, khoản 3, Điều 7 Nghị định s 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định “đ) Ngân sách địa phương hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ chức kinh tế tập tl theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định thec từng thời kỳ; đ) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từ chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hộ đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết địn hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiê và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.” Như vậy, nguồn kinh phí thực hiện chính sách chỉ sử dụng ngân sách địa phương. Đ nghị UBND tỉnh Nghệ An trình HĐND tỉ quy định chi tiết việc thực hiện chính sách nêu trên theo quy định của Luật Ngân sácl nhà nước. Xin gửi Quý Sở đề nghiên cứu, thực hiện.. Đôi với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiế như sau: Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cần được thực hiện rất thận trọng vì doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì khó còn quyền hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một số trường hợp doanh nghiệp th hiện dự án, khi dự án chưa triển khai, doanh

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	là tương đối dài, không hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có thể bị giả mạo, doanh nghiệp "ma" xuất hiện ngày càng nhiều. Gây khó khăn cho cơ quan đăng ký kinh doanh và địa phương trong việc xử lý, cập nhật dữ liệu doanh nghiệp, đặc biệt khi doanh nghiệp không có mặt tại địa chỉ đã đăng ký ngay từ đầu. Trong thời gian 6 tháng đó, nếu doanh nghiệp bị giả mạo không hợp tác xử lý, cơ quan chức năng không thể chủ động thu hồi Giấy chứng nhận để đảm bảo tính minh bạch trong quản lý.		ngành hầu như không có hoạt động nên việc liên hệ với doanh nghiệp mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, việc liên lạc giữa cơ quan quản lý nhà nước xa còn gặp nhiều khó khăn. Xin gửi Quý Sở đề nghị cứu, thực hiện./.
Luật Doanh nghiệp 2020 (Chưa quy định rõ)	Vấn đề ủy quyền của ĐHĐCĐ trong công ty cổ phần có quy định không thống nhất và quy định rõ ràng:- Theo BLDS, chỉ pháp nhân/cá nhân mới được ủy quyền.- Theo Luật Doanh nghiệp thì không quy định việc ủy quyền của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, theo nội dung Nghị định 155/2020/NĐ-CP đã thể hiện việc ĐHĐCĐ được ủy quyền để thực hiện việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Khoản 3 Điều 123 Luật Doanh nghiệp quy định "Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán". - Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cho phép HĐQT được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị được thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được ĐHĐCĐ ủy quyền và theo quy định tại điều lệ công ty, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được HĐQT thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mẫu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
				Mục đích của quy định này để đảm bảo tính linh hoạt và thuận lợi, thông suốt trong hoạt động của doanh nghiệp, theo đó Hội đồng quản trị được thực hiện theo ủy quyền để thay đổi phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế giữa các kỳ họp DHDGD (thường niên diễn ra 01 lần/năm) - Quy định “ủy quyền” nêu trên tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP không phải là ủy quyền được quy định tại Bộ luật Dân sự mà là thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông – cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần (khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp). - Quy định này được kế thừa từ các quy định trước đây (tại khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP) và được áp dụng thống nhất và không phát sinh vướng mắc Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện/.
30	Biểu mẫu số 2, số 3, số 4, số 5 Phụ lục I Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025.	Thông tư số 68/2025/TT-BTC ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải kê khai nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp bao gồm: (i) vốn ngân sách nhà nước; (ii) vốn tư nhân; (iii) vốn nước ngoài; (iv) vốn khác. Thực tế, việc xác định nguồn gốc vốn (đặc biệt trong công ty cổ phần, vốn góp nhiều thành phần) gây khó khăn trong thủ tục hành chính khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp. Có nhiều cách hiểu khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ ở các Sở KH&ĐT	Tổng công ty Dầu Việt Nam – Pvoil	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Các loại nguồn vốn điều lệ nêu tại Thông tư số 68/2025/TT-BTC đã được quy định tại các VBQPPL chuyên ngành (Luật NSNN, Luật Dầu tu,...). - Điều 4 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định rõ nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh. Theo đó, Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	thường yêu cầu giải trình hoặc điều chỉnh thông tin khi hồ sơ có sự "không thống nhất" hoặc kê khai thiếu rõ ràng, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý.		hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Như vậy, khi đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp để kê khai. Cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận thông tin do doanh nghiệp kê khai mà không phải xác minh nguồn vốn. Do vậy, không có khó khăn, vướng mắc đối với nội dung này. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.
Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định "Thông báo mời hợp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty của Điều lệ công ty." Thông báo mời hợp phải gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, như vậy, phải gửi thư mời hợp bằng bản giấy thông qua hình thức gửi thư truyền thống. Việc gửi thư truyền thống tốn nhiều thời gian (in ấn, gửi, phát) và thực tế nhiều cổ đông không còn ở địa chỉ liên lạc ban đầu. Đồng thời doanh nghiệp sẽ phải	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định "Thông báo mời hợp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty." Luật không quy định thông báo mời hợp phải được gửi bằng thư bảo đảm. "Phương thức để bảo đảm" do doanh nghiệp quyết định.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		chỉ một khoản kinh phí cho việc in, gửi, phát thư khi chuẩn bị tổ chức đại hội, đặc biệt là đối với doanh nghiệp có số lượng cổ đông lớn đến vài chục nghìn cổ đông và số lượng cổ đông nước ngoài nhiều. Trong khi đó, việc gửi thông báo mời họp bằng thư điện tử (email) và/hoặc điện thoại (yêu cầu cổ đông khi đăng ký mua cổ phần (cổ đông chưa lưu ký)/mở tài khoản giao dịch chứng khoán phải cung cấp số điện thoại và địa chỉ email đạt hiệu quả cao hơn. Đặc biệt trong bối cảnh phát triển công nghệ số và Luật Giao dịch điện tử 2023 cũng quy định về chỉnh sách phát triển giao dịch điện tử (Điều 4): Phát triển giao dịch điện tử toàn diện, toàn trình để thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối quy trình bằng phương tiện điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số; tối ưu hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn so với các phương thức giao dịch khác. Tại Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp không có nội dung sửa đổi, bổ sung cho nội dung nêu trên. Anh hướng trực tiếp đến BSR vì việc gửi Thông báo mời họp theo quy định sẽ làm cho BSR phải tăng nguồn lực cho việc tổ chức DHDGD (in, ghi địa chỉ để gửi đi và nguồn kinh phí chuyển/phát) nhưng vẫn không đảm bảo tất cả các cổ đông nhận được Thông báo mời họp (nếu gửi theo cách truyền thống và tới địa chỉ liên lạc của cổ đông).		Xin gửi Quý Tập đoàn để nghiên cứu, thụ hiện./.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Chưa có quy định	Luật Doanh nghiệp chưa quy định rõ cách thức xử lý quyền biểu quyết giao dịch, hợp đồng với người có liên quan trong các trường hợp đặc biệt sau đây: (i) Tất cả thành viên Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần)/ tất cả thành viên Hội đồng thành viên (đối với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên)/ tất cả đối tượng gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên (đối với Công ty TNHH MTV) đều là người có lợi ích liên quan trong hợp đồng giao dịch; (ii) Duy nhất một thành viên trong Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần)/ duy nhất một thành viên trong Hội đồng thành viên (đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên)/ duy nhất một trong số các chủ thể: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kiểm soát viên (đối với công ty TNHH MTV) là người có quyền biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch. Việc thiếu quy định rõ cách xử lý trong các trường hợp đặc biệt như trên sẽ gây bế tắc trong quá trình đưa ra quyết định mà không có hướng dẫn rõ ràng, khiến cho doanh nghiệp gặp khó khăn trong tổ chức, thực thi.	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Việc quy định người có liên quan không có quyền biểu quyết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các thành viên và cổ đông khác, tránh việc xung đột lợi ích trong quản trị doanh nghiệp. Việc biểu quyết đối với giao dịch, hợp đồng của doanh nghiệp đã được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghiên cứu, thực hiện./.
Phụ lục I-2, I-3, I-4, I-5 Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021.	Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải kê khai nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp bao gồm: (i) vốn ngân sách nhà nước; (ii) vốn tự nhân; (iii) vốn nước ngoài; (iv) vốn khác. Thực tế, việc xác định nguồn gốc vốn (đặc biệt trong công ty cổ phần, vốn góp nhiều thành phần) gây khó khăn trong thủ tục hành chính khi thực	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Các loại nguồn vốn điều lệ nêu tại Thông tư số 68/2025/TT-BTC đã được quy định tại các VBQPPL chuyên ngành (Luật NSNN, Luật Đầu tư,...). - Điều 4 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		hiện đăng ký doanh nghiệp. đề xuất: bỏ yêu cầu phân loại chi tiết nguồn vốn trong GCNĐKDN hoặc, cho phép DN tự kê khai theo tỷ lệ vốn góp thực tế theo loại hình sở hữu, không cần xác minh nguồn vốn gốc ban đầu		ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định rõ nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Như vậy, khi đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định nguồn vốn điều lệ của doanh nghiệp để kê khai. Cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận thông tin do doanh nghiệp kê khai mà không phải xác minh nguồn vốn. Do vậy, không có khó khăn, vướng mắc đối với nội dung này. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghị nghiên cứu, thực hiện./.

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
Chưa có quy định pháp luật	- Hiện nay, có một số trường hợp cá nhân lợi dụng quy trình đăng ký doanh nghiệp để thành lập các công ty "ma" với mục đích không minh bạch. Dù hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ theo quy định (bao gồm giấy tờ tùy thân được chứng thực, địa chỉ trụ sở, ngành nghề, thông tin người đại diện pháp luật...), nhưng sau khi hoàn tất thủ tục thành lập: Số điện thoại đăng ký của doanh nghiệp không liên hệ được, nhiều trường hợp là số giả, không chính chủ hoặc đã ngừng hoạt động ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp kê khai địa chỉ trụ sở giả hoặc sau khi thành lập, doanh nghiệp không hoạt động thực tế tại trụ sở đã khai báo, gây khó khăn trong công tác quản lý. Dù sử dụng căn cước công dân hợp lệ, được chứng thực, nhưng trong nhiều trường hợp, người đứng tên đăng ký không thực sự điều hành hoạt động, thậm chí không biết mình được đứng tên doanh nghiệp, làm gia tăng nguy cơ lợi dụng pháp nhân để thực hiện các hành vi gian lận thương mại, trốn thuế, lừa đảo hoặc sử dụng cho mục đích rửa tiền. - Thiếu kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế và hệ thống đăng ký doanh nghiệp về việc xác minh nghĩa vụ thuế của cá nhân trước khi cho phép đăng ký thành lập doanh nghiệp mới hiện không có trong quy trình liên thông, khiến cơ quan đăng ký kinh doanh khó có thông tin kịp thời để xử lý. Đồng thời, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng điện tử, do vậy rất khó kiểm	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 đã bổ sung các quy định về tăng cường công tác quản lý nhà nước sau đăng ký thành lập (gọi chung là công tác hậu kiểm). Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. - Về việc không hoạt động tại trụ sở, hiện nay, cơ quan quản lý thuế đã chia sẻ thông tin về doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ để cơ quan ĐKKD tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (trong đó có nội dung về doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đã khai báo). - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử như sau: “Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, kê khai thông tin, tài văn bản điện tử, ký số hoặc ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí theo quy trình trên Cổng thông tin quốc

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		soát tính xác thực của hồ sơ Đăng ký doanh nghiệp, ngày càng xây ra nhiều hồ sơ bị giả mạo và có nhiều mao; doanh nghiệp đăng ký thành lập nhưng không hoạt động; đăng ký vốn ảo. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về tăng cường giám sát, kiểm tra, chế tài xử lý cụ thể đối với các doanh nghiệp không góp đủ vốn điều lệ theo cam kết, doanh nghiệp có vốn ảo, kê khai không vốn điều lệ; hoặc bổ sung quy định sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp doanh nghiệp cần nộp Giấy tờ chứng minh hoàn thành việc góp vốn cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh để theo dõi, quản lý.		gia về đăng ký doanh nghiệp.”. Quy định trên yêu cầu cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để đăng nhập và thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thay vì tài khoản đăng ký kinh doanh như trước đây. Điều này sẽ ngăn chặn các trường hợp mạo danh các cá nhân khác để đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng của thông tin đăng ký doanh nghiệp. Xin gửi Quý Sở đề nghiên cứu, thực hiện., Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Về quy trình xác minh người làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp: Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử như sau: “Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp kê khai thông tin, tài sản bản điện tử, ký số hoặc ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”. Quy định trên yêu cầu cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để đăng
35	Chưa có quy định pháp luật	Hiện nay, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định rõ ràng, đầy đủ về cơ chế xử lý trong trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị giả mạo. Trên thực tế, đã phát sinh trường hợp bị giả mạo hồ sơ để đăng ký hoạt động, trong khi người được đứng tên chủ sở hữu, người đại diện pháp luật khẳng định không làm thủ tục thành lập doanh nghiệp. Tình trạng này dẫn đến lúng túng trong xử lý, cơ quan đăng ký kinh doanh không có cơ sở pháp lý cụ thể để từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương. Do đó, cần bổ sung quy định trong Luật Doanh nghiệp hoặc văn bản hướng dẫn thi hành về quy trình xác minh và xử lý đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện có dấu hiệu giả mạo. Trao quyền chủ	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	động cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc hủy bỏ đăng ký hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có kết luận từ cơ quan chức năng về hành vi giả mạo. Xem xét xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh, công an, và các bên liên quan để xử lý kịp thời và dứt điểm các trường hợp tương tự.		nhập và thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thay vì tài khoản đăng ký kinh doanh như trước đây. Điều này sẽ ngăn chặn các trường hợp mạo danh các cá nhân khác để đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng của thông tin đăng ký doanh nghiệp. Về việc xử lý đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện có dấu hiệu giả mạo: đã được quy định cụ thể tại Điều 68, Điều 69 và Điều 71 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Như vậy, Luật Doanh nghiệp và Nghị định về đăng ký doanh nghiệp đã quy định chặt chẽ từ bước đăng ký doanh nghiệp để xác minh, ngăn chặn tình trạng giả mạo đến bước xử lý nếu doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đăng ký. Xin gửi Quý Sở để nghiên cứu, thực hiện./.

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
36	Chưa có quy định pháp luật	Tài điểm c khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: "Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp sau đây: ...c) Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế". Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định rõ ràng, cụ thể về khái niệm "doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh" để cơ quan đăng ký kinh doanh có căn cứ, cơ sở thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp đã quy định khái niệm về "kinh doanh", theo đó, kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Như vậy, thuật ngữ doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh là doanh nghiệp không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh như nêu trên. Xin gửi Quý Sở đề nghiên cứu, thực hiện..
37	Chưa có quy định pháp luật	Hiện nay, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định rõ ràng, đầy đủ về cơ chế xử lý trong trường hợp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị giả mạo. Trên thực tế, đã phát sinh trường hợp bị giả mạo hồ sơ để đăng ký hoạt động, trong khi người được đứng tên chủ sở hữu, người đại diện pháp luật không làm thủ tục thành lập doanh nghiệp. Tình trạng này dẫn đến lúng túng trong xử lý, cơ quan đăng ký kinh doanh không có cơ sở pháp lý cụ thể để từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương.	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Về quy trình xác minh người làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp: Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử như sau: "Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp kê khai thông tin, tài văn bản điện tử, ký s hoặc ký xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp." <u>Quy định trên yêu cầu cá nhân sử dụng tài</u>

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
			khoản định danh điện tử VNeID để đăng nhập và thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thay vì tài khoản đăng ký kinh doanh như trước đây. Điều này sẽ ngăn chặn các trường hợp mạo danh các cá nhân khác để đăng ký thành lập, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng của thông tin đăng ký doanh nghiệp. Xin gửi Quý Sở để nghiên cứu, thực hiện./.
Chưa có quy định pháp luật	Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế chuyển tiếp quyền và nghĩa vụ khi hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Ví dụ trong phạm vi hoạt động ngân hàng, chưa có hướng dẫn rõ ràng về việc chuyển giao hoặc kế thừa các quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản vay, tài khoản thanh toán, tiền gửi và các giao dịch tài chính khác mà hộ kinh doanh đã thiết lập trước thời điểm chuyển đổi lên doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này gây khó khăn cho cả tổ chức tín dụng và chủ thể chuyển đổi trong việc xác lập tư cách pháp lý, tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc điều chỉnh nội dung hợp đồng phù hợp với pháp nhân mới được thành lập. Đồng thời, chưa có cơ chế chuyển tiếp rõ ràng dẫn đến chưa tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh được nâng cấp hoạt động của mình thành doanh nghiệp, tăng cường minh bạch về thuế và hoạt động. Đề xuất sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ để quy định/giao Chính phủ	Ngân hàng TMCP Quân đội	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Khoản 3 Điều 16 Luật Hỗ trợ DNNVV quy định: "DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty có trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật". Do đó, đề nghị căn cứ quy định trên để thực hiện. Đối với việc kế thừa quyền, nghĩa vụ lợi ích trong các nghiệp vụ cụ thể, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, rà soát trong quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan

TT	Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
		quy định hướng dẫn cụ thể cơ chế chuyển tiếp quyền và nghĩa vụ khi hệ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong các nghiệp vụ cụ thể: cấp tín dụng, tài khoản, tiền gửi...		đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc pháp luật về kinh doanh cá thể... Xin gửi Quý Ngân hàng đề nghiên cứu, thể hiện./
39	Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: "Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây: [...] Việc chi trả cổ tức hiện nay sẽ được thực hiện như sau: Đối với chứng khoán lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, hiện nay, sau khi Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt danh sách thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng, doanh nghiệp chi trả sẽ chuyển số tiền cổ tức cho cổ đông lưu ký cho VSDC và VSDC sẽ thực hiện thủ tục chi trả về tài khoản chứng khoán của cổ đông. Đối với chứng khoán chưa lưu ký: cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại doanh nghiệp chi trả. Như vậy, việc gửi thư cho cổ đông đã lưu ký là không cần thiết, vì khi cổ đông có tên trong danh sách chốt quyền thì cổ tức sẽ tự động vào tài khoản chứng khoán mà không phải làm thêm thủ tục gì. Do đó, việc gửi thư chỉ cần thiết cho cổ đông chưa lưu ký để họ có thông tin làm thủ tục nhận cổ tức. Tại Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung Luật	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đối với đề xuất này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Về nguyên tắc, Luật Doanh nghiệp quy định chung cho mọi loại hình doanh nghiệp (không phân biệt công ty có chứng khoán lưu ký hay không lưu ký) để bảo vệ quyền lợi của cổ đông và minh bạch trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Xin gửi Quý Tập đoàn đề nghiên cứu, thể hiện./

Điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến Bộ Tài chính
	Doanh nghiệp không có nội dung sửa đổi, bổ sung cho nội dung nêu trên. Ảnh hưởng trực tiếp đến BSR vì việc gửi thông báo về trả cổ tức đến các cổ đông đã lưu ký là không cần thiết tuy nhiên theo quy định thì BSR vẫn phải thực hiện		



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~122~~42/BTC-PC

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

V/v triển khai các công việc liên quan đến kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật trong lĩnh vực tài chính, đầu tư.

Kính gửi:.....

Thực hiện Thông báo số 05 -TB/BCĐTW, Kế hoạch số 04 – KH/BCĐTW của Ban chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 20 – KH/ĐU của Đảng Ủy Chính phủ, ngày 30/7/2025, Đảng ủy Bộ Tài chính đã có Báo cáo số 46-BC/ĐUBTC cho ý kiến đối với kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Bộ Tài chính và Báo cáo số 47-BC/ĐUBTC về kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật trong lĩnh vực tài chính, đầu tư.

Ngày 08/8/2025, Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế pháp luật có Thông báo số 08-TB/BCĐTW thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo, theo đó đã yêu cầu Đảng ủy các Bộ, cơ quan ngang Bộ: (i) Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ, không bỏ sót những khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách; (ii) Trả lời, công khai ý kiến chính thức về 1.237 nội dung kiến nghị, phản ánh mà các Bộ, ngành nhất trí là không phải khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có kiến nghị, phản ánh được biết. Hoàn thành trong tháng 8/2025.

Thực hiện Thông báo số 08-TB/BCĐTW, để tiếp tục triển khai nhiệm vụ rà soát tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giao Thủ trưởng các đơn vị triển khai các nội dung công việc như sau:

1. Về triển khai các nội dung nêu tại Báo cáo số 47-BC/ĐUBTC ngày 30/7/2025:

Căn cứ Báo cáo số 47-BC/ĐUBTC ngày 30/7/2025, giao Thủ trưởng các đơn vị thực hiện các công việc sau:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ, không bỏ sót những khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách, lưu ý phải

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

Đã học tập và thấm nhuần

bám sát thực tiễn, tập trung giải quyết những vấn đề đang cản trở phát triển; bảo đảm mục tiêu “trong năm 2025 cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” do quy định pháp luật”.

- Đối với văn bản QPPL đã có trong Chương trình xây dựng văn bản QPPL, Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương chỉ đạo tiến hành soạn thảo văn bản theo đúng quy định pháp luật về ban hành văn bản QPPL để trình cấp có thẩm quyền thông qua/ban hành theo đúng tiến độ đề ra.

- Đối với văn bản QPPL chưa có trong Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2025, cần phải sửa đổi, trình cấp có thẩm quyền ban hành/thông qua trong năm 2025, giao Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương phối hợp với Vụ Pháp chế để làm thủ tục bổ sung Chương trình xây dựng văn bản QPPL; đồng thời tiến hành soạn thảo văn bản QPPL để trình cấp có thẩm quyền thông qua/ban hành.

- Đối với các khó khăn, vướng mắc không lớn, chưa cấp bách, đã có nguyên tắc áp dụng pháp luật, cần phải đánh giá kỹ lưỡng hơn, mang tính tổng thể, giao Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu để đánh giá tổng thể, báo cáo cấp có thẩm quyền đăng ký hoặc bổ sung Chương trình xây dựng văn bản QPPL theo đúng quy định.

- Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để người dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương hiểu, áp dụng thống nhất quy định pháp luật.

Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện và định kỳ hàng tuần báo cáo tình hình xây dựng văn bản QPPL về Vụ Pháp chế **trước 15h, ngày thứ 6 hàng tuần** để tổng hợp trình Bộ báo cáo UBKTTW Đảng.

(Gửi kèm Báo cáo số 47-BC/ĐUBTC và các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

2. Về triển khai các nội dung nêu tại Báo cáo số 46-BC/ĐUBTC ngày 30/7/2025:

Căn cứ Báo cáo số 46-BC/ĐUBTC ngày 30/7/2025, giao Thủ trưởng các đơn vị thực hiện các công việc sau:

(i) Đối với các kiến nghị đã được nhất trí, Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương thực hiện quy trình, thủ tục bổ sung Chương trình xây dựng văn bản QPPL (đối với các văn bản QPPL chưa có trong Chương trình xây dựng văn bản QPPL); đồng thời khẩn trương tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL liên quan theo đúng quy định pháp luật về ban hành văn bản QPPL và báo cáo tiến độ như nội dung tại Mục 1 nêu trên.

(ii) Đối với các kiến nghị không được nhất trí, căn cứ nội dung phản ánh, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm nghiên cứu quy định pháp luật, phối hợp với các đơn vị có liên quan để báo cáo Bộ hoặc theo thẩm quyền có văn bản trả lời, hướng

dẫn các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có kiến nghị, phản ánh; phối hợp với Cục CNTT và chuyển đổi số để công khai ý kiến chính thức trên Cổng TTĐT của Bộ Tài chính trước ngày 25/8/2025. Đồng thời, gửi báo cáo kết quả về Vụ Pháp chế trong ngày 30/8/2025 để tổng hợp và báo cáo UBKTTW Đảng.

(Gửi kèm Báo cáo số 46-BC/ĐUBTC và các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

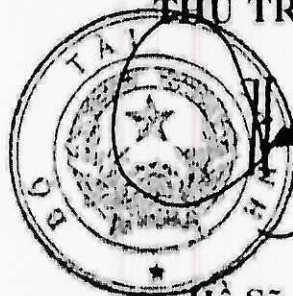
Do các tài liệu kèm theo khá dày, đề nghị các đơn vị khai thác trên hệ thống Văn bản điều hành Bộ Tài chính. Trường hợp không nhận được tài liệu, đề nghị các đơn vị liên hệ Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính, số điện thoại: 0916.939.989 (Đ/c Đỗ Thanh Lâm).

Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tập trung chỉ đạo triển khai nghiêm túc các nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng, tiến độ của các công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC 03 *th* *Nh*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hồ Sỹ Hùng

